TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/HS-ST
Ngày: 19/9/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Trần Thu Hà**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Bùi Trí Đức**
Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Lệ Quyên** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Ông Nguyễn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 192/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 07 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-HS ngày 21/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/HSST – QĐ ngày 07/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NTH** Giới tính: nữ Sinh năm: 1987
Tên gọi khác: không
HKTT: Thôn T– Xã Đ – Huyện Mỹ Đức – TP. Hà Nội
Hiện trú tại: Xóm 7, thôn Đ, xã Đ, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội.
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ văn hóa: 9/12
Họ và tên bố: NVQ – SN: 1966
Họ và tên mẹ: NTS – SN: 1965
Gia đình có 02 chị em. Bị cáo là con thứ nhất.
Họ và tên chồng: NCT – SN: 1987. Có 02 con, con lớn SN: 2012, con nhỏ SN: 2014.
Tiền án, tiền sự: không.
Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.
(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

- Bà P - sinh năm: 1977 (quốc tịch Trung Quốc)
- Bà T – Sinh năm: 1965 (quốc tịch Malaysia)
- Bà Z – sinh năm 1986 (quốc tịch Trung Quốc)

Đại diện theo ủy quyền của người bị hại: Ông TVH, sinh năm 1993.

Trú tại: xã T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

(Bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NTH làm nhân viên tạp vụ của Công ty P địa chỉ: khu công nghiệp V, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Từ năm 2019, H được công ty giao nhiệm vụ dọn dẹp vệ sinh, nấu ăn tại căn hộ PL số 4-8-10-xx-xx-xx khu VR phường P, Long Biên, Hà Nội. Ngày 09 tháng 6 năm 2022, H dọn dẹp vệ sinh tại tầng 2 căn hộ số 10 PL có 03 phòng ngủ là phòng ngủ của chị P, chị Z và bà T. H đi vào phòng ngủ đầu tiên bên tay trái là phòng của bà T dọn dẹp vệ sinh, khi làm việc H thấy không có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H đi đến chiếc tủ ở đầu giường ngủ của bà T, dùng tay mở ngăn kéo tủ dưới ra thì H thấy 02 chiếc ví gồm: 01 chiếc ví màu hồng, 01 chiếc ví màu nâu và 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng. H mở chiếc ví màu nâu ra lấy 1000 đô la mỹ và 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng. Sau đó, H cất ví vào trong ngăn kéo, tiền và chiếc lắc bằng kim loại màu vàng H cất ở túi quần bên trái, rồi H tiếp tục dọn vệ sinh. Đến 11h00' cùng ngày, H điều khiển xe máy nhãn hiệu Lead biển kiểm soát 29Y1 – 349.52 đi về nhà. Trên đường về, H đi vào cửa hàng vàng bạc MH địa chỉ: đường Q, Hà Đông, Hà Nội bán 1.000 đô la Mỹ được 23.000.000 đồng. Sau đó, H đi sang cửa hàng vàng HL địa chỉ số: Q, Hà Đông, Hà Nội. Tại đây, H gặp chị NTYL (SN: 1966, HKTT: Q, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nôi) là chủ cửa hàng vàng. H đã bán chiếc lắc vàng cho chị L với giá 40.000.000 đồng. Chị L đã nhờ con trai là anh ĐNM Quí (SN : 1993, HKTT: Q, phường T, quận Hà Đông, Hà Nôi là con trai chị L) dùng số tài khoản ngân hàng của anh Q chuyển 40.000.000 đồng cho H có số tài khoản 190210xxxxxxxx ngân hàng Techcombank mang tên NTH.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, H dọn dẹp và vào phòng ngủ của bà T tại tầng 2 căn hộ số 10 PL trộm cắp trong ngăn kéo tủ khoảng 15 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ 100 nhân dân tệ và 8 tờ tiền mệnh giá 50 đô Malaysia của bà T. Khi hết giờ làm việc, H đến 01 cửa hàng trên phố H, Hoàn Kiếm, Hà Nội bán số tiền nhân dân tệ và tiền Malaysia trộm cắp nêu trên được 7.000.000 đồng.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, H vào phòng ngủ của chị Z tại tầng 2 căn hộ số 10 PL lấy trộm trong ngăn kéo tủ khoảng 7 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ 50 đô Malaysia và 12 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ 100 nhân dân tệ. Sau đó, H đi đến 01 cửa

hàng trên phố H, Hoàn Kiếm, Hà Nội bán số tiền nhân dân tệ và tiền Malaysia trộm cắp nêu trên được 5.900.000 đồng.

Ngày 14 tháng 8 năm 2022, H tiếp tục vào phòng ngủ của bà T trộm cắp trong ngăn kéo tủ 36 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ, 5 tờ tiền mệnh giá 50 đô singapore, 5 tờ tiền mệnh giá 10 đô singapore, 4 tờ tiền mệnh giá 50 đô Malaysia và của chị P số tiền 5.200.000 đồng. Tất cả số tiền H trộm cắp được lần này H mang về nhà tại xóm 7, xã Đ, huyện Quốc Oai, Hà Nội để vào túi xách của H và cất vào tủ quần áo của H.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản bà T, chị P và chị Z đã đến Công an phường P trình báo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bà T, chị P và chị Z đã ủy quyền cho anh TVH (SN: 1993, HKTT : xã T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) là người phiên dịch đại diện bà T, chị P và chị Z làm việc với các cơ quan pháp luật từ quá trình điều tra, truy tố, xét xử trong vụ trộm cắp tài sản trên.

Tang vật tạm giữ của H gồm: 36 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ, 5 tờ tiền mệnh giá 50 đô singapore, 5 tờ tiền mệnh giá 10 đô singapore, 4 tờ tiền mệnh giá 50 đô Malaysia, số tiền 9.200.000 đồng (trong đó có 5.200.000 đồng là tiền trộm cắp và 4.000.000 đồng là tiền của H).

Tổng giá trị tài sản H trộm cắp được là: 99.933.189 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 188/CT-VKS ngày 20/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố NTH về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thấy rằng: Hành vi của bị cáo NTH đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Hành vi của bị cáo vi phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 65 BLHS 2015

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Về dân sự: Đối với số tiền 5.200.000 đồng là tài sản của chị P do vậy Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị P số tài sản trên, anh TVH là người được chị P ủy quyền đã nhận lại số tiền trên.

Quá trình điều tra, NTH đã tự nguyện giao nộp 72.150.000 đồng cộng với số tiền 4.000.000 đồng tạm giữ của NTH, tổng số là 76.150.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bà T và chị Z. Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả số tiền 70.250.000 đồng cho bà T và số tiền 5.900.000 đồng cho chị Z, anh TVH là người được bà T và chị Z ủy quyền đã nhận lại số tiền trên. Sau khi nhận lại tài sản các bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự, anh H đã đại diện bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để được chăm sóc, dạy dỗ con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật - tài liệu, lời khai bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dụng bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tại căn hộ PL 4-10 khu đô thị VR, phường P, Long Biên, Hà Nội, NTH đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm:

Ngày 09/6/2022, NTH trộm cắp của bà T 1.000 đô la Mỹ quy đổi ra tiền Việt Nam là 23.062.000 đồng và 01 chiếc lắc bằng kim loại màu vàng bán được: 40.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 63.062.000 đồng

Ngày 14/6/2022, H trộm cắp của bà T số tiền ngoại tệ khoảng 15 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ 100 nhân dân tệ và 8 tờ tiền mệnh giá 50 đô Malaysia, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.284.954 đồng

Ngày 24/6/2022, H trộm cắp của chị ZHANG YONGLI tiền ngoại tệ khoảng 7 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ 50 đô Malaysia và 12 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ 100 nhân dân tệ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.956.463 đồng.

Ngày 14/8/2022, H trộm cắp của bà T 36 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ, 5 tờ tiền mệnh giá 50 đô singapore, 5 tờ tiền mệnh giá 10 đô singapore, 4 tờ tiền

mệnh giá 50 đô Malaysia quy đổi ra tiền Việt Nam là 18.429.772 đồng và của chị P số tiền 5.200.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 23.629.772 đồng.

Tổng giá trị tài sản H trộm cắp được là: 99.933.189 đồng.

Hành vi của bị cáo NTH đã cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng TNHS theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật hình sự bảo vệ. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, lại là lao động chính trong gia đình nên cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo và phù hợp với chính sách nhân đạo của Nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[5] Về dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bồi thường, không có đề nghị gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND quận Long Biên đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

[6] - Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao.

1. Tuyên bố bị cáo NTH phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt: Bị cáo 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận
- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSNDTP.Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp TP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Công an quận Long Biên;*
- *Chi cục THA. DS quận Long Biên;*
- *Cơ quan THA.HS quận Long Biên;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà